

Bản án số: 52 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28- 6 -2018

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Nam

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cù Thị H - Sinh năm 1981

Trú tại: Xóm 10, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn T - Sinh năm 1977

Trú tại: Xóm 8, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt chị H, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 03 năm 2018, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Cù Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30 tháng 6 năm 2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh T không tu chí làm ăn mà ham chơi bài bạc, bỏ bê gia đình, không quan tâm và chăm lo cho gia đình, có những lần anh T bỏ nhà đi cả tuần không về. Vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh T luôn tìm có chửi mắng, tra tấn chị về mặt tinh thần nhưng chị vẫn cố gắng chịu đựng vì con cái. Vợ chồng đã nhiều lần sống ly thân. Từ tháng 6 năm 2013 đến nay vợ chồng sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo. Gia đình hai bên cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Chị xác định tình cảm không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Gia H sinh ngày 22/4/2006 và cháu Phạm Phương Thảo N sinh ngày 18/6/2008. Từ nhỏ các cháu ở với chị. Các cháu đều khỏe mạnh được đi học đầy đủ và đạt học sinh giỏi. Hiện nay chị là giáo viên Trường trung học cơ sở xã Đ, huyện T, thu nhập bình quân: 10.000.000đ/tháng. Chị và các con đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của chị tại xóm 10, xã T, huyện T. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn T nhưng anh T không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị H nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn T có hộ khẩu thường trú tại xóm 10, xã T, huyện T và hiện nay đang cư trú tại xóm 8, xã Tân Ninh, huyện Triệu Sơn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn T nhưng anh T không có ý kiến gì gửi cho Tòa án và cũng không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến. Hai lần Tòa án thông báo về phiên hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh T vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã Tân Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng sống không có hạnh phúc nên đã ly thân một thời gian dài, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Tại phiên tòa, chị H vẫn tha thiết xin ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống với anh T được nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H xử cho chị H được ly hôn anh T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Gia H sinh ngày 22/4/2006 và cháu Phạm Phương Thảo N sinh ngày 18/6/2008.

Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con, đây là nguyện vọng chính đáng. Hai cháu ở với mẹ từ nhỏ, các cháu khỏe mạnh, được đi học đầy đủ và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Anh T không có ý kiến gì về phần con chung. Do đó, giao các cháu cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H yêu cầu anh T cấp

đường nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/tháng là phù hợp với mức sống trung bình ở địa phương hiện nay nên HĐXX chấp nhận.

Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị H không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh T có quyền thăm nom con chung, chị H và gia đình không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Cù Thị H được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 2 con chung là: Cháu Phạm Gia H sinh ngày 22/4/2006 và cháu Phạm Phương Thảo N sinh ngày 18/6/2008, giao cả hai cháu cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000đ/tháng, cả hai cháu là 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0001149 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ án phí.

Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu